

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 39

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - số 0101178800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 09 năm 2010, đã đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 21 tháng 12 năm 2020.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101178800 được sửa đổi lần thứ 18 ngày 21 tháng 12 năm 2020, Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các thiết bị Y tế.

Trụ sở chính: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.125.001.710.000 đồng (Một nghìn một trăm hai mươi lăm tỷ, không trăm lẻ một triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Huy Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2020 (Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 30 tháng 09 năm 2020)
Ông Hosono Kyohei	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020
Ông Cao Tiến Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020
Ông Vũ Hoàng Việt	Thành viên	Từ nhiệm ngày 08 tháng 04 năm 2021
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020
Ông Nguyễn Lân Việt Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020
Ông Hoàng Văn Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020
Ông Trần Ngọc Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020
Ông Hoàng Điệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020
Bà Vũ Thị Thúy Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020
Ông Nguyễn Thế Hường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Cường	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020
Bà Vũ Thị Thúy Hằng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020
Ông Lê Minh Chung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 05 năm 2021
Ông Hoàng Văn Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2020
Ông Trần Ngọc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2020
Bà Dương Thủy Mai	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2021
Bà Vương Vân Anh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 05 năm 2021
Ông Bùi Khang	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Lê Thắng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020
Bà Đặng Thị Hà Giang	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Vỹ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020
Ông Trần Đức Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020
		Từ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2020
Ông Ngô Văn Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Huy Tuấn Chủ tịch HĐQT

Ông Hoàng Văn Kiên, Phó Tổng giám đốc, được ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2020 theo giấy ủy quyền số 04/UQ-JVC ngày 25 tháng 02 năm 2021.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh hợp nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 và tình hình tài chính hợp nhất vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 của Công ty.

6. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Kiên
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2021



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

PKF
Accountants &
business advisers

Số: 082/2021/BCKTHN-PB.00388

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 06 năm 2021, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, khoản mục phải thu khách hàng ngắn hạn bao gồm số tiền 59.267.731.518 đồng, khoản mục trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm số tiền 14.944.250.000 đồng và khoản mục phải thu khác ngắn hạn bao gồm số tiền tạm ứng 16.699.616.839 đồng tồn đọng lâu ngày và biến động không đáng kể từ 31 tháng 03 năm 2016. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi toàn bộ các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và tạm ứng nêu trên. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu và tính đầy đủ của các khoản công nợ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020 được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu khách hàng với giá trị là 59.314.807.118 đồng, khoản mục trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm số tiền 14.944.250.000 đồng và khoản mục phải thu khác ngắn hạn bao gồm số tiền tạm ứng 16.699.616.839 đồng, đồng thời ngoại trừ về tính chính xác của giá trị dự phòng đã trích lập đối với các khoản phải thu này do không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán.



Phạm Tuấn Vũ

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2030-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

– CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2021

A blue ink signature of the auditor Lê Viết Cường.

LÊ VIẾT CƯỜNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/03/2021 VND	01/04/2020 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		300.319.399.551	318.527.899.494
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	120.139.128.350	40.374.366.307
1. Tiền	111		6.639.128.350	9.074.366.307
2. Các khoản tương đương tiền	112		113.500.000.000	31.300.000.000
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	180.000.000	11.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		180.000.000	11.000.000.000
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118.075.309.230	141.310.866.258
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	486.283.070.742	498.835.188.012
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	316.362.044.654	322.125.054.912
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		999.242.500	999.242.500
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	517.347.858.191	515.228.709.194
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.202.916.906.857)	(1.195.877.328.360)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.7	60.072.433.902	123.159.626.325
1. Hàng tồn kho	141		106.561.988.901	165.079.842.297
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(46.489.554.999)	(41.920.215.972)
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		1.852.528.069	2.683.040.604
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	1.407.945.122	1.354.265.892
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		185.236.708	968.779.634
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	259.346.239	359.995.078
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		327.406.931.277	319.329.369.093
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		46.396.346.785	2.748.846.924
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	46.396.346.785	2.748.846.924
II/ Tài sản cố định	220		214.462.380.511	288.141.406.330
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	211.253.531.322	287.789.207.196
- Nguyên giá	222		780.746.678.762	860.578.337.587
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(569.493.147.440)	(572.789.130.391)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	3.208.849.189	352.199.134
- Nguyên giá	228		4.364.437.980	923.000.480
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.155.588.791)	(570.801.346)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
III/ Tài sản dở dang dài hạn			933.657.355	10.347.850.300
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	933.657.355	10.347.850.300
IV/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	56.215.200.000	4.520.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		750.000.000	750.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		110.750.000.000	110.750.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(111.500.000.000)	(111.500.000.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		56.215.200.000	4.520.000.000
V/ Tài sản dài hạn khác	260		9.399.346.626	13.571.265.539
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	9.329.576.986	13.444.550.978
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.12	69.769.640	126.714.561
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		627.726.330.828	637.857.268.587

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/03/2021 VND	01/04/2020 VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		173.033.977.255	106.479.095.588
I/ Nợ ngắn hạn	310		156.440.989.480	81.697.385.416
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	31.620.099.522	49.538.681.349
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	12.011.565.000	4.937.297.264
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	727.555.144	303.909.416
4. Phải trả người lao động	314		168.494.909	62.659.805
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	33.542.459.750	24.334.147.777
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	5.492.666.662	1.057.567.838
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	67.087.483.989	-
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		5.790.664.504	1.463.121.967
II/ Nợ dài hạn	330		16.592.987.775	24.781.710.172
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	12.614.553.791	24.781.710.172
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	3.978.433.984	-
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		454.692.353.573	531.378.172.999
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.19	454.692.353.573	531.378.172.999
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		402.288.328.850	402.288.328.850
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.211.235.252	19.211.235.252
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.091.808.920.529)	(1.015.123.101.103)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.015.123.101.103)	(1.017.919.129.980)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(76.685.819.426)	2.796.028.877
III/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		627.726.330.828	637.857.268.587



Hoàng Văn Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2021

Trần Đức Thanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	411.625.472.069	519.305.001.531
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	208.520.363	2.132.139.603
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		411.416.951.706	517.172.861.928
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	375.562.985.908	408.115.254.687
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.853.965.798	109.057.607.241
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	6.673.374.756	3.796.522.045
7. Chi phí tài chính	22	6.5	3.674.473.000	513.313.604
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.214.024.670	9.038.195
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	65.665.855.762	80.944.864.483
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	44.585.774.236	39.928.425.776
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(71.398.762.444)	(8.532.474.577)
11. Thu nhập khác	31	6.8	3.664.171.537	13.461.931.635
12. Chi phí khác	32	6.9	8.844.376.557	2.197.945.461
13. Lợi nhuận khác	40		(5.180.205.020)	11.263.986.174
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(76.578.967.464)	2.731.511.597
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	49.907.041	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	56.944.921	(64.517.280)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(76.685.819.426)	2.796.028.877
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		(76.685.819.426)	2.796.028.877
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.12	(682)	25
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.13	(682)	25



Hoàng Văn Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2021

Trần Đức Thanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(76.578.967.464)	2.731.511.597
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	107.125.717.048	78.199.119.629
- Các khoản dự phòng	03	15.936.460.061	9.697.831.619
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(346.166.753)	199.851.529
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.469.505.477	(1.980.118.602)
- Chi phí lãi vay	06	1.214.024.670	9.038.195
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	48.820.573.039	88.857.233.967
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	36.349.948.460	15.068.661.493
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	58.517.853.396	(5.898.382.066)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(19.574.018.321)	(68.048.634.066)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.061.294.762	735.548.591
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.146.918.439)	(9.038.195)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(6.957.316)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	127.021.775.581	30.705.389.724
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(40.808.310.598)	(22.454.532.515)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.946.600.695	1.595.595.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(86.175.200.000)	(13.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	550.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.713.978.392	2.670.409.127
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(118.322.931.511)	(30.638.528.388)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ đi vay	33	89.564.205.629	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(18.498.287.656)	(500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	71.065.917.973	(500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	79.764.762.043	(433.138.664)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	40.374.366.307	40.807.505.332
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	120.139.128.350	40.374.366.668



Hoàng Văn Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2021

Trần Đức Thanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - số 0101178800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 09 năm 2010, đã đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 21 tháng 12 năm 2020.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101178800 được sửa đổi lần thứ 18 ngày 21 tháng 12 năm 2020, Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các thiết bị Y tế.

Trụ sở chính: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.125.001.710.000 đồng (Một nghìn một trăm hai mươi lăm tỷ, không trăm lẻ một triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101178800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 09 năm 2010, thay đổi lần thứ 18 ngày 21 tháng 12 năm 2020 hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị, dụng cụ Y tế;
- Cho thuê máy móc, thiết bị Y tế ;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học ;

...

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Các chi nhánh

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hạch toán kế toán</i>
Chi nhánh Công ty CP Thiết bị Y tế Việt Nhật tại Hồ Chí Minh	Tầng 05 - tòa nhà văn phòng – Cao Ốc Central Garden - 328 Võ Văn Kiệt, Lô C, P. Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Hạch toán phụ thuộc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

Các Công ty con sở hữu trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích tại ngày 31 tháng 03 năm 2021
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Tầng 24 – Tòa nhà Icon 4 – 243A Đê La Thành – phường Láng Thượng - Q. Đống Đa – Hà Nội	Kinh doanh thiết bị Y tế	100%	100%

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích tại ngày 31 tháng 03 năm 2021
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	Số 19 Võ Văn Tần, Phường 06, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh thiết bị y tế	25%	25%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm sau.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

Công ty thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con, Công ty liên kết được lập đến ngày 31 tháng 03 năm 2021.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại hoặc bất lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm (120 tháng). Bất lợi thế thương mại được ghi nhận một lần vào kết quả kinh doanh trong năm tài chính.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo phương pháp giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Công ty thực hiện thành lập hội đồng đánh giá khả năng tiêu thụ và đặc tính kỹ thuật còn lại của hàng tồn kho, từ đó xây dựng mức trích lập dự phòng cho mỗi mặt hàng. Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập dựa theo kết quả đánh giá của hội đồng này.

Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	02 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021, thời gian trích khấu hao của một số máy móc thiết bị được điều chỉnh giảm tương ứng với thời gian của hợp đồng liên kết với các bệnh viện và cơ sở khám chữa bệnh. Việc thay đổi thời gian trích khấu hao dẫn đến chi phí khấu hao máy móc thiết bị của năm nay tăng thêm 33.262.100.000 đồng so với mức trích khấu hao của năm tài chính trước đó.

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo quy định tại điều lệ Công ty.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2021 VND	01/04/2020 VND
Tiền mặt	45.617.000	1.190.009.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.593.511.350	7.884.357.307
Các khoản tương đương tiền	113.500.000.000	31.300.000.000
Cộng	120.139.128.350	40.374.366.307

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	1,00	22.993
Cộng	1,00	22.993

Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền

	31/03/2021 VND	01/04/2020 VND
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng (1)	-	31.300.000.000
Đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn (2)	113.500.000.000	-
Cộng	113.500.000.000	31.300.000.000

(1) Thể hiện giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại

(2) Bao gồm các khoản hợp tác đầu tư với các pháp nhân khác. Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật có quyền rút một phần hoặc toàn bộ vốn hợp tác sau khi thông báo cho đối tác chậm nhất 01 ngày làm việc trước thời điểm dự kiến chấm dứt.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	180.000.000	180.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	180.000.000	180.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
Dài hạn	56.215.200.000	56.215.200.000	4.520.000.000	4.520.000.000
Trái phiếu BIDV	-	-	4.520.000.000	4.520.000.000
Trái phiếu BTW	56.028.000.000	56.028.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	187.200.000	187.200.000	-	-
Cộng	56.395.200.000	56.395.200.000	15.520.000.000	15.520.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẤT
 Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2021			01/04/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	110.750.000.000	110.750.000.000	-	110.750.000.000	-
Đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế <1>	110.750.000.000	110.750.000.000	-	110.750.000.000	-
Cộng	111.500.000.000	111.500.000.000	-	111.500.000.000	-

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín.
 <1> Đây là khoản đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế cùng với Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên tại hai bệnh viện ở Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	107.340.812.353	(107.340.812.353)	107.340.812.353	(107.340.812.353)
Công ty Cổ phần đầu tư A1	97.904.625.613	(97.904.625.613)	97.904.625.613	(97.904.625.613)
Phải thu khác	281.037.632.776	(181.952.527.354)	293.589.750.046	(182.295.581.976)
Cộng	486.283.070.742	(387.197.965.320)	498.835.188.012	(387.541.019.942)

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
JWB Co., Ltd.	190.230.906.514	(190.230.906.514)	190.230.906.514	(190.230.906.514)
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	36.635.000.000	(36.635.000.000)	36.635.000.000	(36.635.000.000)
Nishimura Medical Instrument	29.872.783.121	(29.872.783.121)	29.872.783.121	(29.872.783.121)
Các khoản khác	59.623.355.019	(47.659.377.130)	65.386.365.277	(42.289.887.130)
Cộng	316.362.044.654	(304.398.066.765)	322.125.054.912	(299.028.576.765)

Số dư trả trước cho người bán ngắn hạn ngày 31 tháng 03 năm 2021 bao gồm 14.944.250.000 đồng tồn đọng lâu ngày (tại 31 tháng 03 năm 2020 là 14.944.250.000 đồng, số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 03 năm 2016). Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi toàn bộ các khoản phải thu nêu trên tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2020 và 31 tháng 03 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.5 Phải thu khác ngắn hạn, dài hạn

5.5.1 Phải thu khác ngắn hạn

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ứng trước, bảo lãnh và thanh toán hộ (i)	403.295.265.000	(403.295.265.000)	403.295.265.000	(403.295.265.000)
Tiền tạm ứng cho CBNV (ii)	94.945.336.531	(94.369.705.746)	95.658.606.487	(94.369.705.746)
Phải thu nhân viên liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	7.242.748.952	(7.242.748.952)	7.256.442.952	(7.256.442.952)
Phải thu cơ quan chức năng liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	-	-	2.261.219.600	-
Vốn liên kết với các bệnh viện	2.196.001.887	(2.010.283.138)	1.033.593.750	-
Ký quỹ, ký cược	3.336.355.328	-	452.480.000	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn tạm tính	2.701.099.847	-	464.957.450	-
Phải thu khác	3.631.050.646	(3.403.629.436)	4.806.143.955	(3.387.075.455)
Cộng	517.347.858.191	(510.321.632.272)	515.228.709.194	(508.308.489.153)

(i) Đây là khoản tiền Công ty ứng trước, bảo lãnh và thanh toán hộ liên quan đến các nhân viên quản lý chủ chốt tiền nhiệm.

(ii) Số dư các khoản tạm ứng tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 bao gồm khoản phải thu giá trị 16.699.616.839 đồng không được lưu trữ đầy đủ hồ sơ gốc và tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 03 năm 2020 là 16.699.616.839 đồng, số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 03 năm 2016).

5.5.2 Phải thu khác dài hạn

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Vốn liên kết với các bệnh viện	-	-	1.664.970.639	-
Các khoản hợp tác đầu tư (1)	45.300.000.000	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	1.096.346.785	-	1.083.876.285	-
Cộng	46.396.346.785	-	2.748.846.924	-

(1) Đây là các khoản hợp tác đầu tư với thời gian đầu tư là 03 năm, lợi nhuận đầu tư Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật thu được sẽ tùy thuộc vào hiệu quả đầu tư của các Công ty nhận tiền hợp tác đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.6 Nợ phải thu khó đòi

	31/03/2021			01/04/2020		
	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thu hồi VND	Thời gian quá hạn
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	394.938.329.561	7.740.364.241		396.453.791.870	8.912.771.928	
Công ty Cổ phần Dầu tư A1	97.904.625.613	-	Trên 3 năm	97.904.625.613	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Thương mại Hướng Đông	107.340.812.353	-	Trên 3 năm	107.340.812.353	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thiết bị Kỹ thuật HB	33.792.574.163	-	Trên 3 năm	33.792.574.163	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên	28.031.022.362	-	Không xác định	28.031.022.362	-	Không xác định
Công ty TNHH MTV 16A - (Bệnh viện Đa khoa 16A Hà Đông)	26.948.625.601	-	Không xác định	26.948.625.601	-	Không xác định
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	10.797.500.000	-	Trên 3 năm	10.797.500.000	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	90.123.169.469	7.740.364.241	Từ 6 tháng - trên 3 năm	91.638.631.778	8.912.771.928	Từ 6 tháng - trên 3 năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	304.398.066.765	-		299.028.576.765	-	
JWB Co., Ltd.	190.230.906.514	-	Không xác định	190.230.906.514	-	Không xác định
Nishimura Medical Instrument	29.872.783.121	-	Không xác định	29.872.783.121	-	Không xác định
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	36.635.000.000	-	Không xác định	36.635.000.000	-	Không xác định
RC Medical Co., Ltd.	21.080.000.000	-	Không xác định	21.080.000.000	-	Không xác định
Gold Lite PTE. Ltd.	14.851.200.000	-	Không xác định	14.851.200.000	-	Không xác định
Các đối tượng khác	11.728.177.130	-	Không xác định	6.358.687.130	-	Không xác định

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Nợ phải thu khó đòi (tiếp)

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá trị VND
Phải thu ngắn hạn khác	510.460.914.272	139.282.000		2.277.773.581
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên	315.360.806.472	-	Không xác định	-
Công ty TNHH Thương Mại Hướng Đông	87.934.458.528	-	Không xác định	-
Tạm ứng cho nhân viên hoặc nhân viên chủ chốt tiền nhiệm	94.369.705.746	-	Không xác định	16.553.981
Phải thu liên quan đến chênh lệch tiền mặt chờ xử lý	7.242.748.952	-	Không xác định	2.261.219.600
Các đối tượng khác	5.553.194.574	139.282.000	Không xác định	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	999.242.500	-		-
Bệnh viện Đa khoa Huyện Lâm Thao	999.242.500	-	Trên 3 năm	-
Cộng	1.210.796.553.098	7.879.646.241		11.190.545.509

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.7 Hàng tồn kho

	31/03/2021		01/04/2020	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	6.946.937.301	-	13.067.745.256	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	631.709.541	-	992.020.037	-
Hàng hoá	85.050.707.523	(46.489.554.999)	145.547.910.903	(41.920.215.972)
Hàng gửi đi bán	13.932.634.536	-	5.472.166.101	-
Cộng	<u>106.561.988.901</u>	<u>(46.489.554.999)</u>	<u>165.079.842.297</u>	<u>(41.920.215.972)</u>

5.8 Chi phí trả trước

5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/03/2021	01/04/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	706.843.958	726.441.167
Các khoản khác	701.101.164	627.824.725
Cộng	<u>1.407.945.122</u>	<u>1.354.265.892</u>

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2021	01/04/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.059.638.433	1.042.543.284
Chi phí sửa chữa, bảo hành thiết bị, làm phòng để tài sản liên kết, đặt máy	8.144.194.963	11.044.056.353
Cải tạo, sửa chữa văn phòng	-	1.134.531.037
Các khoản khác	125.743.590	223.420.304
Cộng	<u>9.329.576.986</u>	<u>13.444.550.978</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại 01/04/2020	-	832.495.340.863	27.541.580.068	541.416.656	860.578.337.587
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	41.442.118.588	5.296.941.091	42.006.364	46.781.066.043
Thanh lý, nhượng bán	-	(93.675.639.270)	(8.773.690.682)	(62.900.000)	(102.512.229.952)
Giảm do tài trợ y tế	-	(24.100.494.916)	-	-	(24.100.494.916)
Số dư tại 31/03/2021	-	756.161.325.265	24.064.830.477	520.523.020	780.746.678.762
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư tại 01/04/2020	-	555.061.910.721	17.377.451.417	349.768.253	572.789.130.391
Khấu hao	-	107.154.978.738	2.310.711.084	36.728.134	109.502.417.956
Thanh lý, nhượng bán	-	(89.005.460.637)	(2.829.201.398)	(62.900.000)	(91.897.562.035)
Giảm do tài trợ y tế	-	(20.900.838.872)	-	-	(20.900.838.872)
Số dư tại 31/03/2021	-	552.310.589.950	16.858.961.103	323.596.387	569.493.147.440
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/04/2020	-	277.433.430.142	10.164.128.651	191.648.403	287.789.207.196
Số dư tại 31/03/2021	-	203.850.735.315	7.205.869.374	196.926.633	211.253.531.322

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

59.311.084.890 đồng
195.526.573.129 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.10 Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm VND	TSCĐ Vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/04/2020	923.000.480	-	923.000.480
Đầu tư XD CB hoàn thành	3.441.437.500	-	3.441.437.500
Số dư tại 31/03/2021	4.364.437.980	-	4.364.437.980
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư tại 01/04/2020	570.801.346	-	570.801.346
Khấu hao trong năm	584.787.445	-	584.787.445
Số dư tại 31/03/2021	1.155.588.791	-	1.155.588.791
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/04/2020	352.199.134	-	352.199.134
Số dư tại 31/03/2021	3.208.849.189	-	3.208.849.189

Giá trị tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 38.000.000 đồng

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/04/2020 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm VND	31/03/2021 VND
Mua sắm TSCĐ	10.347.850.300	40.808.310.598	50.222.503.543	933.657.355
- Dự án máy MRI Aperto Lucent	10.239.353.300	1.299.906.296	11.539.259.596	-
- Các dự án khác	108.497.000	39.508.404.302	38.683.243.947	933.657.355
	10.347.850.300	40.808.310.598	50.222.503.543	933.657.355

5.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/03/2021 VND	01/04/2020 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các tài sản cố định, CCDC bán để sử dụng nội bộ	69.769.640	126.714.561
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	69.769.640	126.714.561

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Hitachi Medical Instrument Co., Ltd.	11.807.793.613	11.807.793.613	21.807.192.000	21.807.192.000
Công ty TNHH Fujifilm Việt Nam	9.205.024.901	9.205.024.901	18.203.896.771	18.203.896.771
Konica Minolta. Inc.	6.806.506.514	6.806.506.514	6.409.838.563	6.409.838.563
Đối tượng khác	3.800.774.494	3.800.774.494	3.117.754.015	3.117.754.015
Cộng	31.620.099.522	31.620.099.522	49.538.681.349	49.538.681.349

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
CN Công Ty CP Du Lịch Và Dược Phẩm Sơn Lâm - Bệnh viện Đa khoa Thiện Nhân	3.105.000.000	3.105.000.000	-	-
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	2.664.083.341	2.664.083.341	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Y dược Quỳnh Lưu	-	-	1.464.000.000	1.464.000.000
Ứng trước tiền khác	6.242.481.659	6.242.481.659	3.473.297.264	3.473.297.264
Cộng	12.011.565.000	12.011.565.000	4.937.297.264	4.937.297.264

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
 Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.15 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu tại đầu năm	Số phải nộp tại đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số phải thu tại cuối năm	Số phải nộp tại cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	31.211.358	3.941.232.252	3.312.597.811	-	659.845.799
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.289.876.462	1.255.729.622	-	34.146.840
Thuế thu nhập doanh nghiệp	52.949.725	-	49.907.041	6.957.316	10.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	307.045.353	272.698.058	5.737.305.235	5.934.032.837	249.346.239	18.271.342
Các loại thuế khác	-	-	848.318.284	833.027.121	-	15.291.163
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	5.118.000	5.118.000	-	-
Cộng	359.995.078	303.909.416	11.871.757.274	11.347.462.707	259.346.239	727.555.144

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.16 Chi phí phải trả

	31/03/2021 VND	01/04/2020 VND
Trích trước chi phí tư vấn chuyên môn	13.550.824.096	7.254.366.398
Trích trước chi phí hoa hồng kinh doanh	3.417.237.112	6.495.918.187
Trích trước chi phí phải trả cho cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết	13.557.526.134	5.839.777.105
Trích trước chi phí bảo trì	231.934.848	1.073.769.282
Trích trước chi phí lãi vay	67.106.231	-
Các khoản trích trước khác	2.717.831.329	3.670.316.805
Cộng	33.542.459.750	24.334.147.777

5.17 Phải trả khác ngắn hạn, dài hạn

5.17.1 Phải trả khác ngắn hạn

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Kinh phí công đoàn	113.370.000	113.370.000	153.848.700	153.848.700
Bảo hiểm xã hội	6.737.100	6.737.100	-	-
Bảo hiểm y tế	1.188.900	1.188.900	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	528.400	528.400	-	-
Vốn liên kết đã nhận (1)	4.301.549.013	4.301.549.013	-	-
Phải trả khác	1.069.293.249	1.069.293.249	903.719.138	903.719.138
Cộng	5.492.666.662	5.492.666.662	1.057.567.838	1.057.567.838

(i) Phản ánh khoản tiền vốn nhận của các cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết

5.17.2 Phải trả khác dài hạn

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vốn liên kết đã nhận (1)	12.614.553.791	12.614.553.791	24.781.710.172	24.781.710.172
Cộng	12.614.553.791	12.614.553.791	24.781.710.172	24.781.710.172

(i) Phản ánh khoản tiền vốn nhận của các cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.18.1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/03/2021		Trong năm		01/04/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
1> Vay ngắn hạn	65.307.483.989	65.307.483.989	82.470.771.645	17.163.287.656	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở Giao dịch 1	35.576.091.428	35.576.091.428	44.635.219.084	9.059.127.656	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	29.731.392.561	29.731.392.561	37.835.552.561	8.104.160.000	-	-
2> Vay dài hạn đến hạn trả	1.780.000.000	1.780.000.000	3.115.000.000	1.335.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	1.780.000.000	1.780.000.000	3.115.000.000	1.335.000.000	-	-
Cộng	67.087.483.989	67.087.483.989	85.585.771.645	18.498.287.656	-	-

5.18.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/03/2021		Trong năm		01/04/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
1> Vay dài hạn	3.978.433.984	3.978.433.984	7.093.433.984	3.115.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	3.978.433.984	3.978.433.984	7.093.433.984	3.115.000.000	-	-
Cộng	3.978.433.984	3.978.433.984	7.093.433.984	3.115.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.18.3 Thông tin bổ sung cho các khoản vay

VAY NGẮN HẠN

Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Hạn mức vay	Số dư nợ gốc tại 31/03/2021	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
Khoản vay Ngân hàng MB - CN Sở Giao dịch 1 76009.20.002.449769.TD ngày 31/12/2020		Theo từng khế ước nhận nợ	60.000.000.000 đồng	35.576.091.428	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	- Tiền ký quỹ tại ngân hàng MB - Máy móc, thiết bị - Hệ thống ô tô khám bệnh lưu động - Hàng tồn kho luân chuyển - Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng số 271/2021/BVĐKT-VN và các phụ lục khác đính kèm
Khoản vay ngân hàng BIDV - CN Mỹ Đình 01/2020/6453135/HĐTD ngày 23/09/2020	12 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	54.000.000.000 đồng	29.731.392.561	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở LC	- Máy móc thiết bị - Xe ô tô - Trái phiếu do BIDV phát hành mã BID2_18.05_03074 - HĐTG có kỳ hạn số 04/2018/6453135/HĐTG
Cộng				65.307.483.989		

VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/03/2021	Số phải trả đến 31/03/2022	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
Khoản vay ngân hàng BIDV - CN Mỹ Đình 01/20206453135/HĐTD ngày 25/6/2020	48 tháng	8%/năm trong năm đầu tiên, những năm tiếp theo bằng LS tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3,5%/năm	6.648.433.984	1.780.000.000	Thanh toán tiền mua máy chụp cộng hưởng từ MRI	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Cộng			6.648.433.984	1.780.000.000		

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẤT
Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.19 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.19.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/04/2019	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.017.919.129.980)	528.582.144.122
Lãi trong năm trước				2.796.028.877	2.796.028.877
Số dư tại 31/03/2020	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.015.123.101.103)	531.378.172.999
Số dư tại 01/04/2020	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.015.123.101.103)	531.378.172.999
Lỗ trong năm	-	-	-	(76.685.819.426)	(76.685.819.426)
Số dư tại 31/03/2021	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.091.808.920.529)	454.692.353.573

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

5.20 Cổ phiếu

	31/03/2021 Cổ phiếu	01/04/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	112.500.171	112.500.171
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	112.500.171	112.500.171
Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	112.500.171
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	112.500.171	112.500.171
Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	112.500.171
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	269.210.409.684	357.941.166.883
Doanh thu được chia từ các dự án liên kết	120.534.385.137	135.438.664.601
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.780.677.248	25.925.170.047
Cộng	411.525.472.069	519.305.001.531

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hàng bán bị trả lại	208.520.363	2.132.139.603
Cộng	208.520.363	2.132.139.603

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	205.785.422.118	268.968.298.352
Giá vốn liên quan đến dự án liên kết thiết bị y tế	141.940.327.519	114.657.788.853
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	23.267.897.244	24.800.029.239
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.569.339.027	(310.861.757)
Cộng	375.562.985.908	408.115.254.687

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.950.120.789	2.846.457.938
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.377.087.214	950.064.107
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	346.166.753	-
Cộng	6.673.374.756	3.796.522.045

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.214.024.670	9.038.195
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	360.448.330	304.423.880
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	199.851.529
Chi phí tài chính khác	2.100.000.000	-
Cộng	3.674.473.000	513.313.604

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	24.406.382.257	25.415.997.873
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	41.259.473.505	55.528.866.610
	65.665.855.762	80.944.864.483

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	20.089.074.197	15.600.713.381
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	7.039.578.497	8.545.571.409
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	17.457.121.542	15.782.140.986
	44.585.774.236	39.928.425.776

6.8 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hỗ trợ, hàng biếu tặng và thưởng từ nhà cung cấp	3.369.801.652	12.479.834.724
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	248.473.636	290.106.248
Thu nhập khác	145.896.249	691.990.663
Cộng	3.764.171.537	13.461.931.635

6.9 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ do thanh lý TSCĐ	7.536.309.414	966.294.963
Các khoản bị phạt, truy thu	135.501.472	38.979.586
Chi phí khác	1.172.565.671	1.192.670.912
Cộng	8.844.376.557	2.197.945.461

6.10 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm nay	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	49.907.041	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	49.907.041	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

6.11 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản khấu hao TSCĐ, phân bổ CCDC bán để sử dụng nội bộ	56.944.921	(64.517.280)
Cộng	56.944.921	(64.517.280)

6.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(76.685.819.426)	2.796.028.877
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	(76.685.819.426)	2.796.028.877
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	112.500.171	112.500.171
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(682)	25

6.13 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(76.685.819.426)	2.796.028.877
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	(76.685.819.426)	2.796.028.877
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	112.500.171	112.500.171
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(682)	25

6.14 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	65.191.325.863	51.271.333.375
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	16.988.561.473	1.832.006.703
Chi phí khấu hao tài sản cố định	107.125.717.048	77.309.851.814
Chi phí dự phòng	15.936.460.061	9.697.831.619
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	72.604.727.417	110.033.322.069
Cộng	277.846.791.862	250.144.345.580

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	8.022.412.435	5.330.442.808

7.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

7.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



Hoàng Văn Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2021

Trần Đức Thanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu